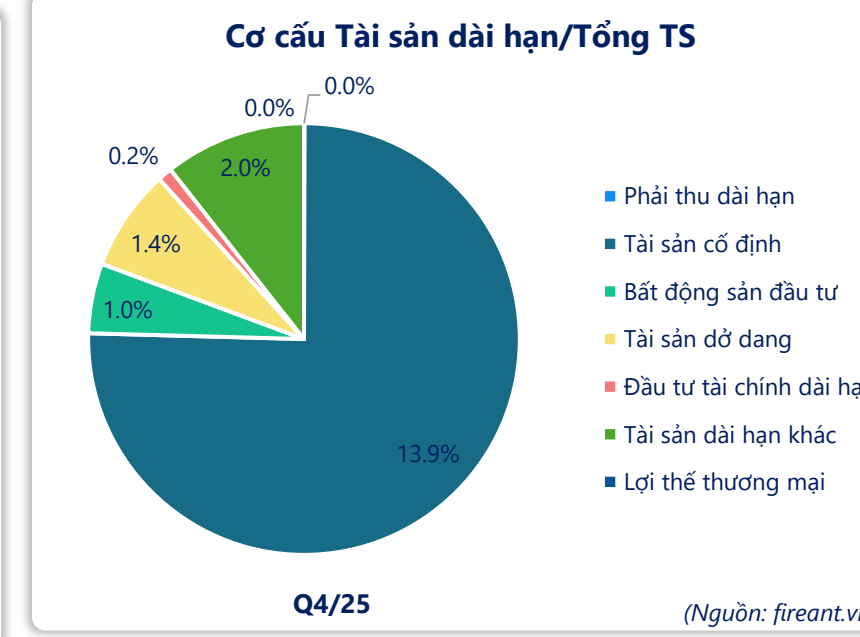
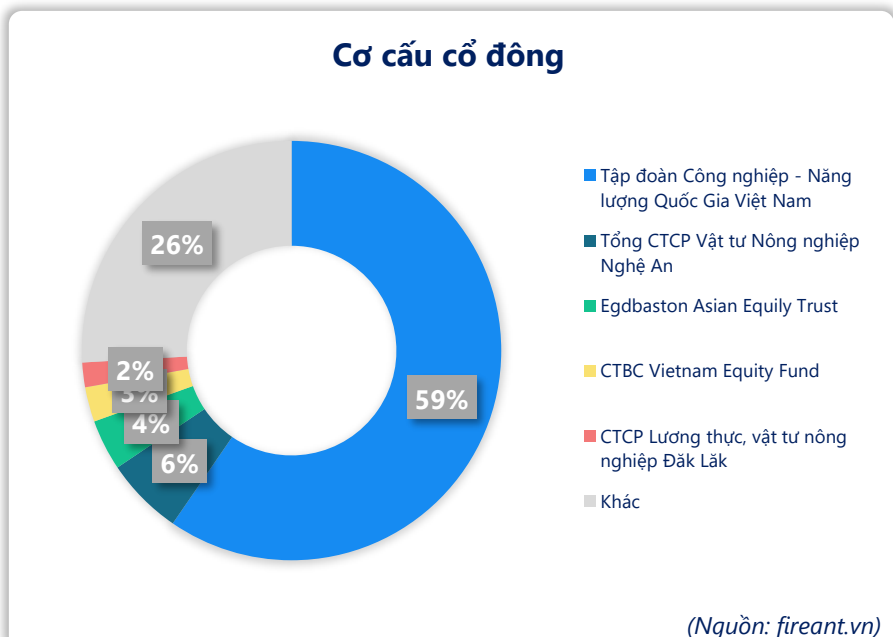
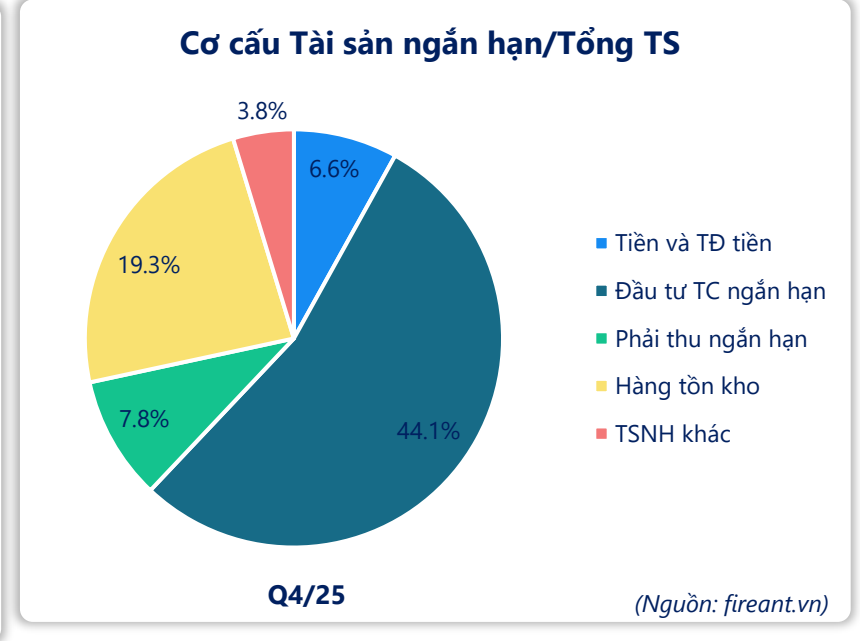
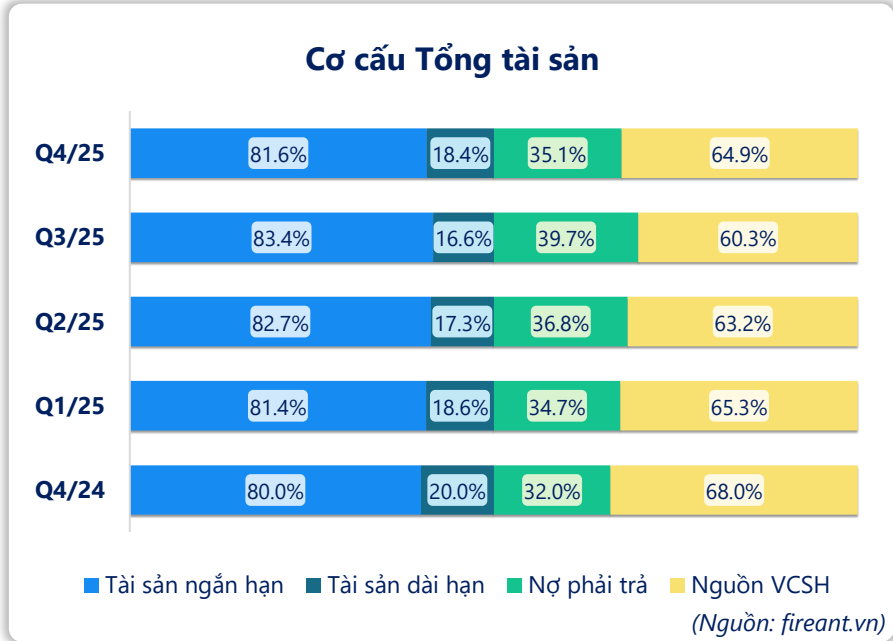
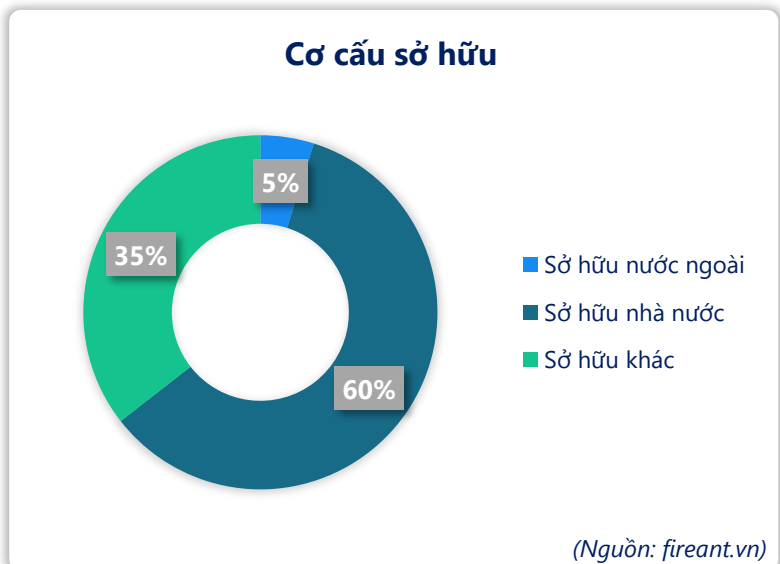
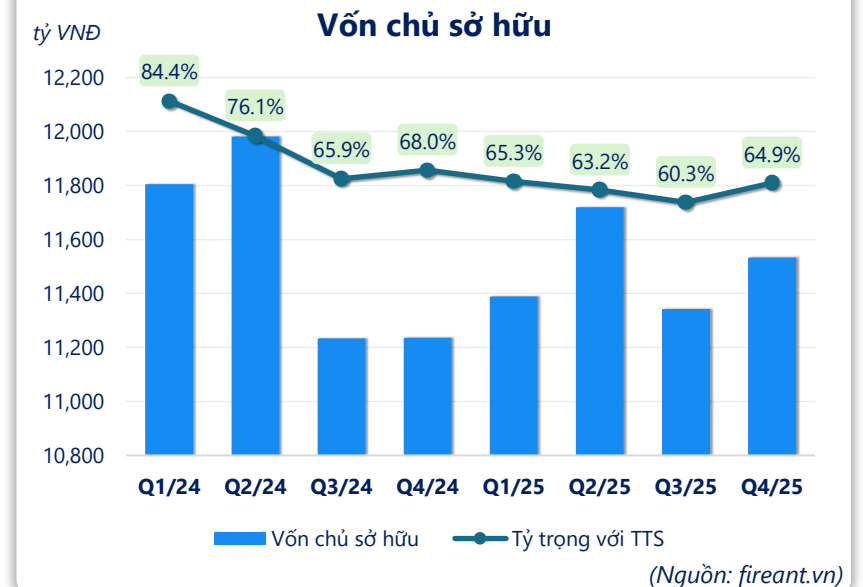
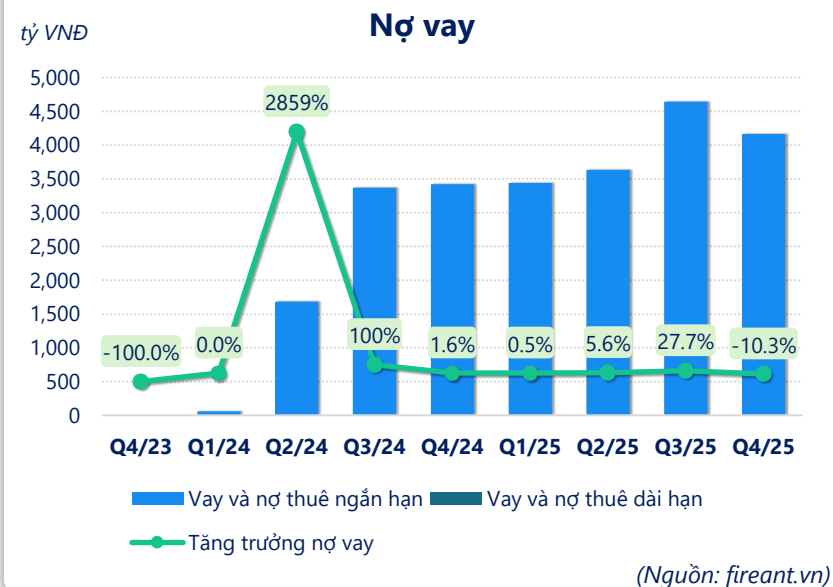
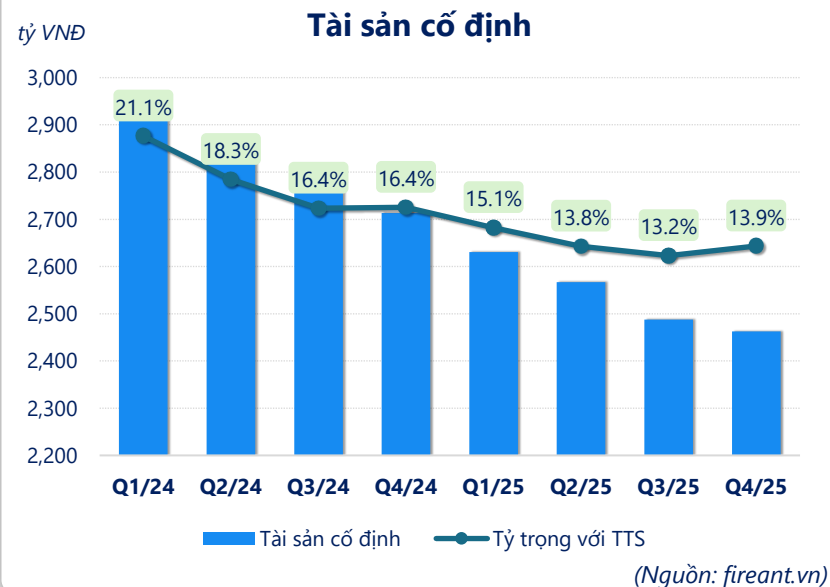
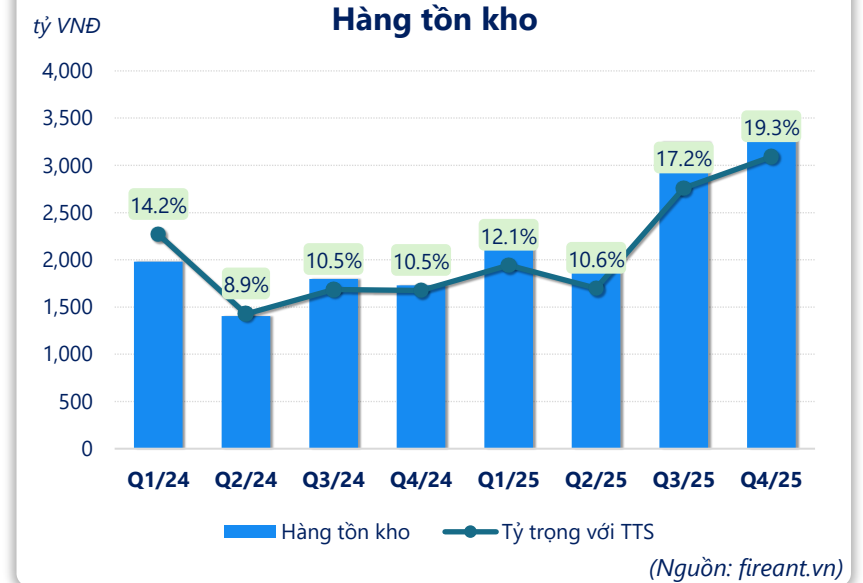
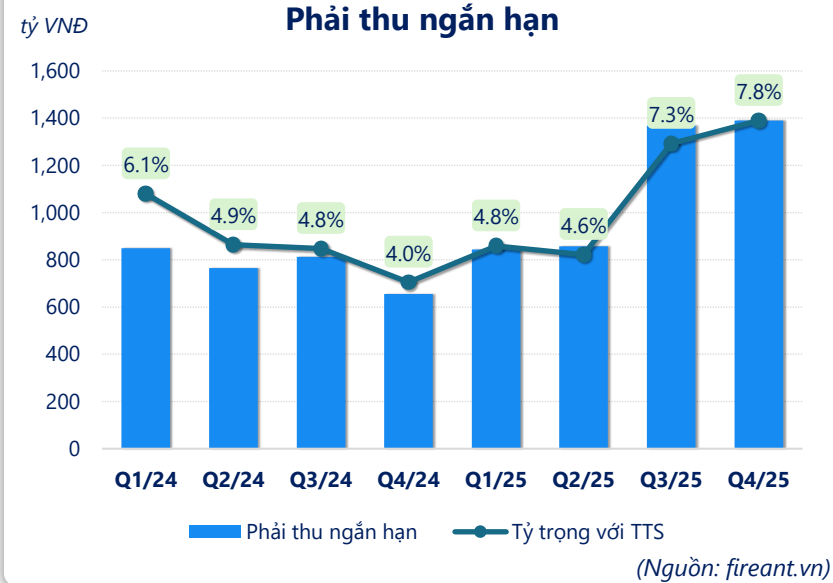
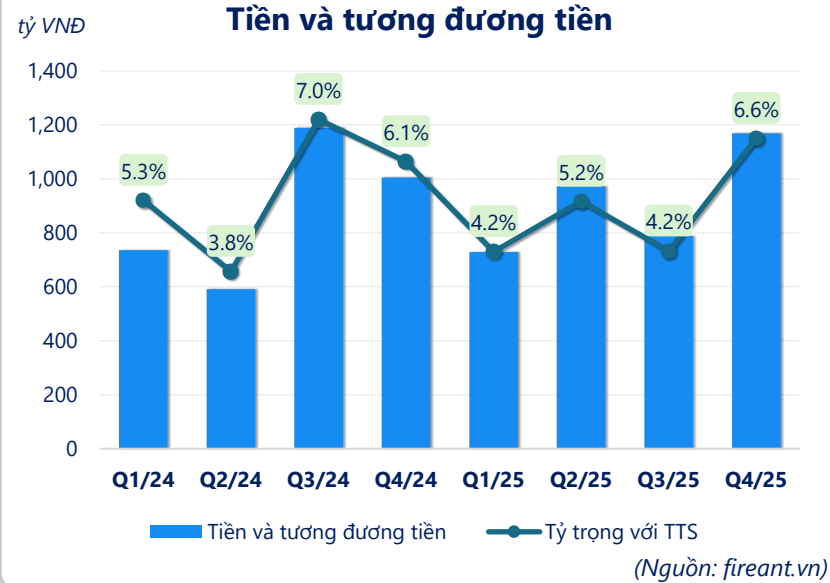
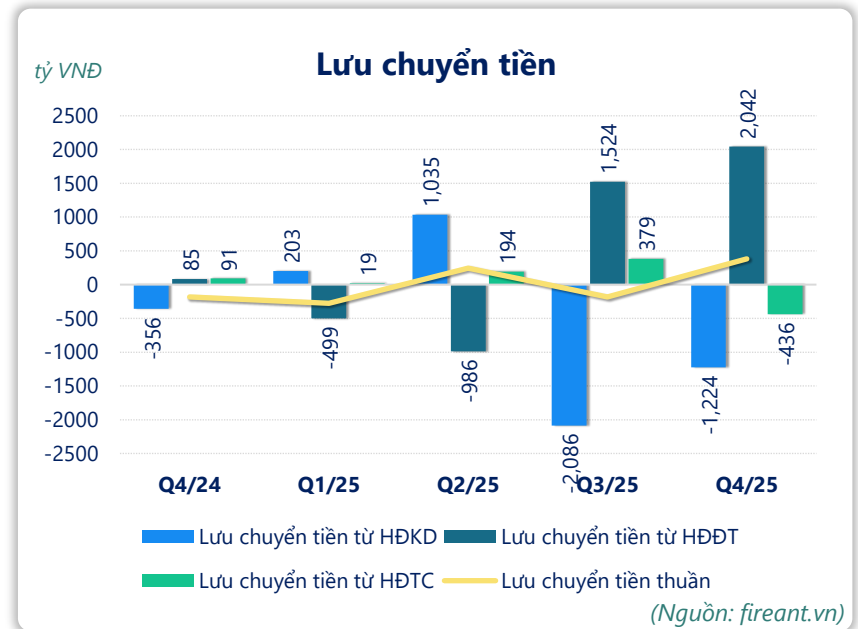
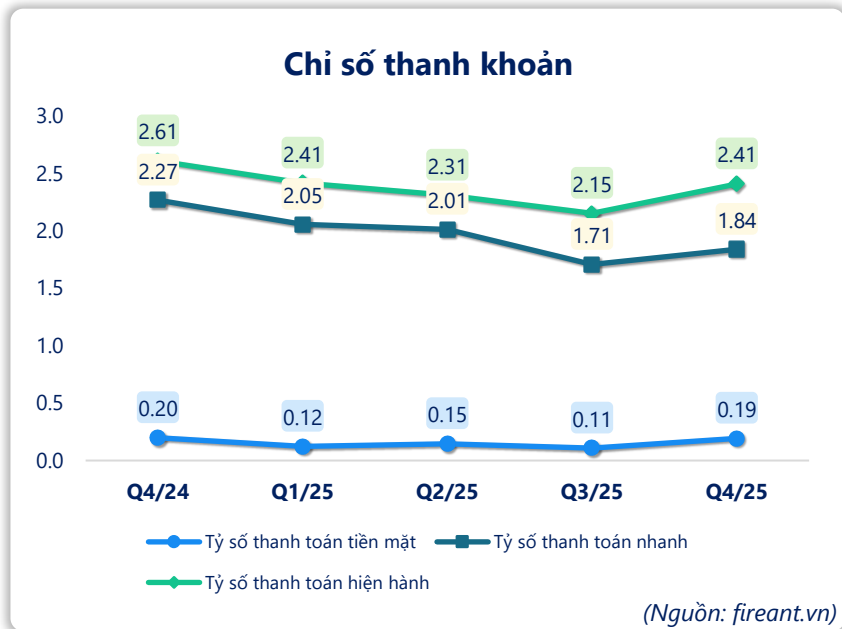
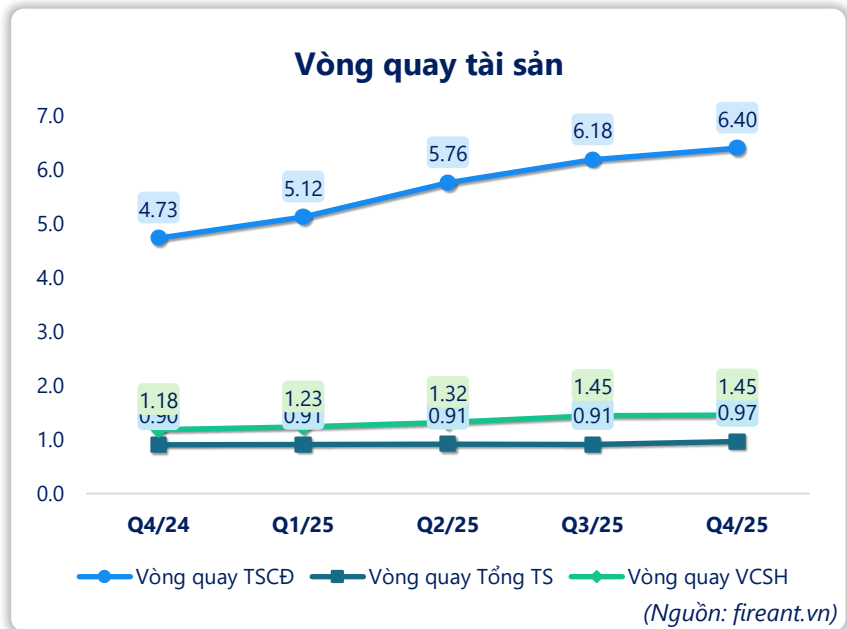
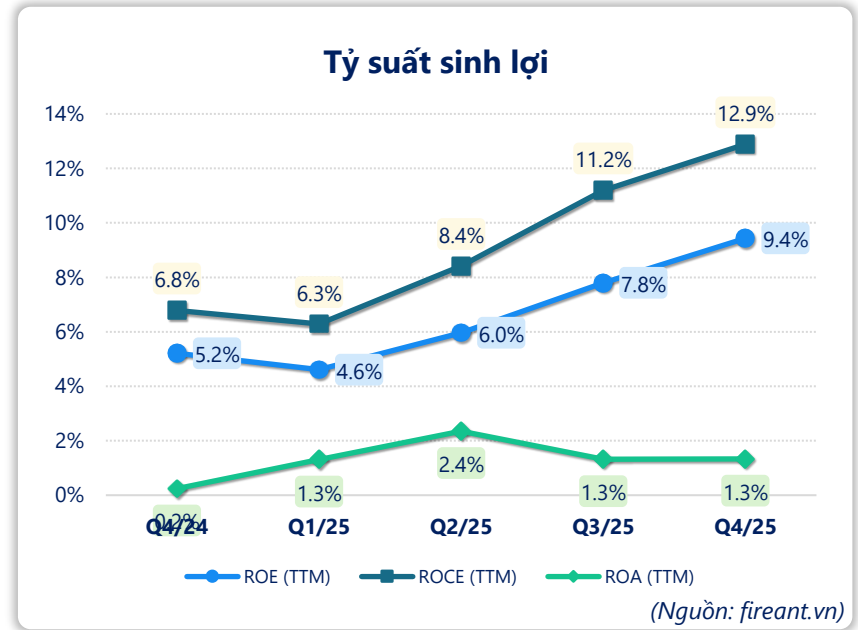
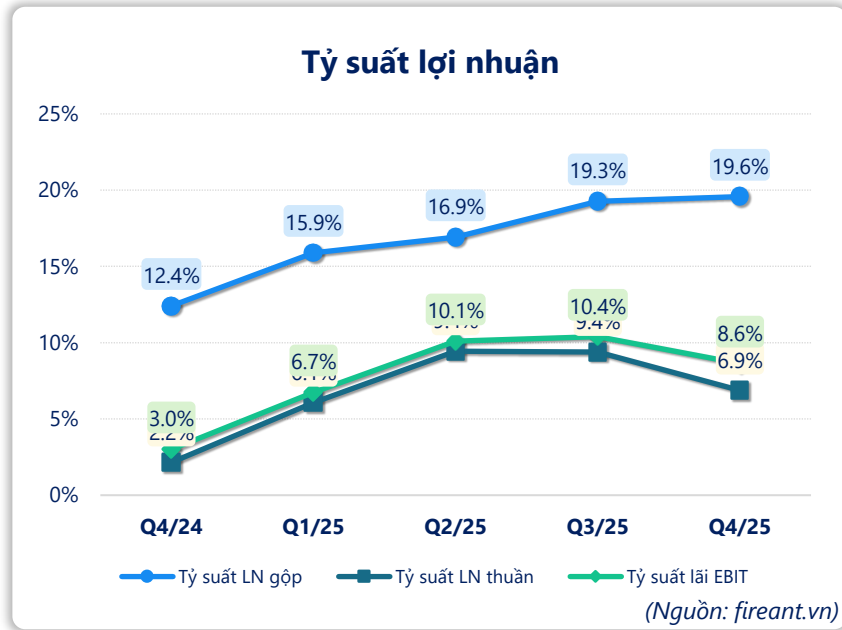
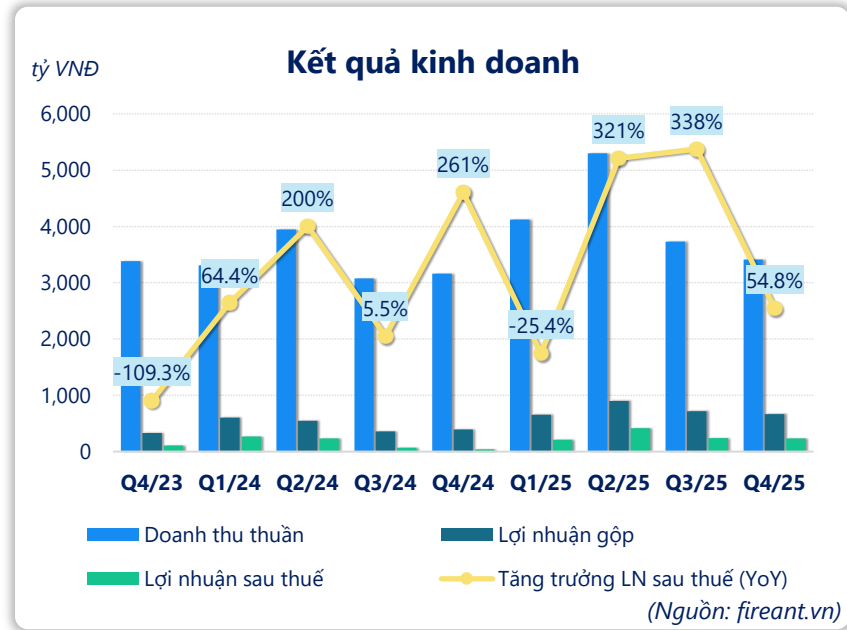


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		22,250
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		28,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		15,412
SL cổ phiếu LH		679,925,021
KLGD BQ 20 phiên (CP)		2,189,095
% sở hữu nước ngoài		4.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		15,128
P/E		14.1
EPS		1,579

	YTD	1T	3T	6T
DPM	13.6%	-5.5%	-7.5%	3.4%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	17,777	16,552	7.4%
Tài sản ngắn hạn	14,510	13,220	9.8%
Tiền và tương đương tiền	1,168	1,005	16.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	7,835	9,464	-17.2%
Phải thu ngắn hạn	1,390	653	113%
Hàng tồn kho	3,434	1,731	98.4%
Tài sản ngắn hạn khác	683	367	86.1%
Tài sản dài hạn	3,267	3,333	-2.0%
Phải thu dài hạn	1.52	1.13	34.9%
Tài sản cố định	2,463	2,711	-9.2%
Bất động sản đầu tư	171	181	-5.4%
Tài sản dở dang	249	89.4	179%
Đầu tư tài chính dài hạn	35.4	34.2	3.6%
Tài sản dài hạn khác	347	316	9.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	6,244	5,372	16.2%
Nợ ngắn hạn	6,028	5,199	16.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	4,164	3,422	21.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	671	691	-2.9%
Nợ dài hạn	215	174	23.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	11,533	11,180	3.2%
Vốn chủ sở hữu	11,533	11,180	3.2%
Vốn điều lệ	6,800	3,914	73.7%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	3,164	4,120	5,301	3,729	3,414
Giá vốn hàng bán	2,771	3,465	4,404	3,010	2,746
Lợi nhuận gộp	393	655	897	719	668
Doanh thu HĐTC	130	32.1	98.2	117	240
Chi phí TC	30.8	26.6	41.0	44.8	52.1
Chi phí lãi vay	25.5	25.3	33.0	34.3	49.4
LN trong công ty LKLD	1.54	0	1.13	0	1.91
Chi phí bán hàng	222	251	267	231	267
Chi phí QLDN	203	159	187	210	356
LN thuần từ HĐKD	68.1	250	500	350	234
Lợi nhuận khác	1.70	2.59	1.39	2.96	11.1
LN trước thuế	69.8	253	502	353	245
Lợi nhuận sau thuế	40.6	211	413	239	233
LNST của CĐ cty mẹ	36.1	205	403	236	230

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-356	203	1,035	-2,086	-1,224
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	84.5	-499	-986	1,524	2,042
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	91.2	18.8	194	379	-436
Tiền đầu kỳ	1,188	1,005	728	971	788
Lưu chuyển tiền thuần	-180	-277	242	-184	382
Ảnh hưởng tỷ giá	-3.18	0	0.53	0	-0.93
Tiền cuối kỳ	1,005	728	971	788	1,168

(Nguồn: fireant.vn)